

Số: 456/QĐ-DTNTTC

Tủa Chùa, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân
sách nhà nước năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THPT TỬA CHÙA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2042/QĐ – SGDDT ngày 20/12/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách được giao năm 2025 theo biểu số 2 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký..

Điều 3: Tổ văn phòng, bộ phận kế toán, các tập thể và cá nhân có liên quan thuộc và trực thuộc nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
Như điều 3;
Lưu VT, KT.



Nguyễn Văn Huynh



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THPT TỬA CHÙA
Chương: 422*

ĐỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 456 /QĐ-DTNTTC ngày 30/12/2025 của Trường phổ thông DTNT
THPT Tủa Chùa

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.417
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.417
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	

	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Trong đó:	
	lương	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.417
	Trong đó:	
	<i>Cấp bù theo ND 86/2015/ND-CP</i>	
	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo ND86/2015</i>	
	<i>ôn thi</i>	
	<i>Hỗ trợ học tập theo ND 57/2017/ND-CP</i>	
	<i>Nghị định 66</i>	1.417
	<i>Mở rộng quy mô</i>	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2021/UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi ngân sách được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức quản lý, thực hiện đúng Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực X;
- KBNN khu vực X- PGD số 1,2,3,4,5,6,7;
- Lãnh đạo sở GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Tuyết Ban

BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường phổ thông DTNT THPT Tủa Chùa
Mã số: 1098185
Mã KBNN nơi giao dịch: 2762

(Kèm theo Quyết định số 2042/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)
Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ Phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.417.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	1.417.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Trong đó: đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.417.000
	Trong đó:	
	Hỗ trợ học sinh thôn , xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (nguồn địa phương)	1.417.000

BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2042/QĐ-SGDDT ngày 30/12/2025)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG													Trung t Gi
		PDĐT TÍNH	KHOÍ TRƯỞNG ĐTNT XÃ	ĐTNT MƯỜNG THÀNH	ĐTNT TỬA CHÙA	ĐTNT NA SON	ĐTNT TUẦN GIÁO	ĐTNT NA SANG	ĐTNT MƯỜNG NHÉ	ĐTNT MƯỜNG ANG	ĐTNT NÀ HỖ	TRUNG TÂM GDNN-GDTX 1	TRUNG TÂM GGNN-GDTX 2		
		Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075		
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	41		
I	Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ		-												
1	Số thu nguồn vốn viện trợ		-												
1.1	Số thu viện trợ														
2	Chi từ nguồn vốn viện trợ		-												
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo														
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
II	Dự toán chi NSNN	3.031.000	10.734.000	1.417.000	1.417.000	1.700.000	1.142.000	1.196.000	1.402.000	1.228.000	1.232.000	2.682.000	4.260.000		
1	Sự nghiệp Giáo dục	3.031.000	10.734.000	1.417.000	1.417.000	1.700.000	1.142.000	1.196.000	1.402.000	1.228.000	1.232.000	2.682.000	4.260.000		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.031.000	10.734.000	1.417.000	1.417.000	1.700.000	1.142.000	1.196.000	1.402.000	1.228.000	1.232.000	2.682.000	4.260.000		
2	Sự nghiệp đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1031668		1098180	1098185	1098179	1098184	1098181	1098182	1098379	1126819	1031669	1.157.962	1	